

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học

Hình thức đào tạo chính quy

Ngành: Lịch sử, mã số 7229010

Chương trình đào tạo: Cử nhân Lịch sử

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 276/NĐ, ngày 11 tháng 10 năm 1951 của Bộ Quốc gia Giáo dục về việc thành lập Trường Sư phạm Cao cấp (nay là Trường Đại học Sư phạm Hà Nội);

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ban hành ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BDGĐT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BDGĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BDGĐT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐT ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSP Hà Nội;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Lịch sử ngày 10 tháng 01 năm 2025;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

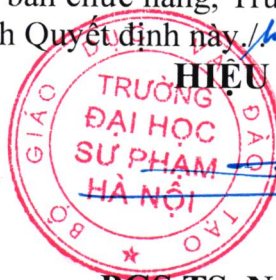
Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy, ngành Lịch sử, mã số 7229010, chương trình đào tạo Cử nhân Lịch sử (nội dung chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho các khoá tuyển sinh trình độ đại học từ năm 2025.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng, ban chức năng, Trưởng khoa Lịch sử; các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- HĐT (để b/c);
- BGH (để chỉ đạo t/h);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Cổng thông tin điện tử Trường (để t/b);
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành Lịch sử

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 207/QĐ-DHSPHN ngày 15 tháng 01 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên chương trình (Tiếng Việt/Tiếng Anh): Lịch sử (History)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Ngành đào tạo (Tiếng Việt/Tiếng Anh): Lịch sử (History)
- Mã ngành đào tạo: 7229010
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo chính khóa: 4 năm
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Tên văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân
- Khoa quản lý/đào tạo: Lịch sử
- Thông tin về tuyển sinh:
 - Hình thức tuyển sinh: Theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo và theo Đề án Tuyển sinh của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội công bố hàng năm.
 - Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo và theo Đề án Tuyển sinh của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội công bố hàng năm.
 - Dự kiến quy mô tuyển sinh: Theo chỉ tiêu được Bộ giáo dục và Đào tạo phê duyệt và theo Đề án Tuyển sinh của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội công bố hàng năm.

II. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo của nhân Lịch sử đáp ứng các chuẩn đầu ra sau:

PLO1: Thể hiện được tinh thần yêu nước, hiểu biết và hành động phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm với cộng đồng.

PLO2: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng cơ bản trong phán đoán và tự chủ chuyên môn để nhận diện và thích ứng được với sự phát triển của nghề nghiệp và văn hóa - xã hội.

PLO3: Sử dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn để phát hiện và giải quyết các vấn đề của khoa học chuyên ngành.

PLO4: Tham gia tích cực, có trách nhiệm vào các hoạt động xã hội để lan toả các tri thức về lịch sử, văn hóa nhằm phục vụ cộng đồng, góp phần phát triển văn hóa xã hội của các địa phương.

PLO5: Tổ chức, lãnh đạo để thực hiện hiệu quả công việc nghiên cứu khoa học và tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, tôn trọng sự khác biệt.

PLO6: Làm chủ các kiến thức về khoa học xã hội nhân văn nói chung và Lịch sử nói riêng để phổ biến kiến thức, phát triển tư duy Lịch sử cho những người xung quanh.

PLO7: Sử dụng các kiến thức về Sử học để phát triển nghề nghiệp, từng bước nâng cao năng lực và nghề nghiệp chuyên môn của bản thân.

PLO8: Tích lũy được nền tảng tri thức vững chắc, sâu rộng về Lịch sử để vận dụng các tri thức đó nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra cũng như đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn trong công việc.

PLO9: Phát hiện được các vấn đề nghiên cứu về các lĩnh vực của Sử học, thực hiện được nghiên cứu để ứng dụng vào thực tiễn các công việc có liên quan.

PLO10: Sử dụng kiến thức chuyên ngành về Lịch sử để nghiên cứu, xây dựng kế hoạch làm việc gắn với chuyên môn được đào tạo nhằm đáp ứng được yêu cầu thực tiễn về công việc.

PLO11: Sử dụng các kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành Lịch sử để tư vấn, thuyết minh cho các dự án, việc làm có liên quan.

PLO12: Sử dụng được 1 trong 5 ngoại ngữ đạt chuẩn bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam cùng các phần mềm ứng dụng và phương tiện truyền thông để phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy và phát triển nghề nghiệp của bản thân.

Ma trận kết nối mục tiêu với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và các chỉ báo

Mục tiêu của chương trình (POs)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	Chỉ báo (PIs)
<p>PO1. Đào tạo cử nhân ngành Lịch sử có phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp; có năng lực tự chủ, sáng tạo và vận dụng tri thức để khởi nghiệp, tạo việc làm; đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của xã hội.</p>	<p>PLO1. Thể hiện được tinh thần yêu nước, hiểu biết và hành động phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm với cộng đồng.</p>	<p>PI1.1. Nhận biết được tri thức lý luận chính trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>PI1.2. Thể hiện được tình yêu đất nước, lập trường tư tưởng, chính trị vững vàng, tự hào về truyền thống tốt đẹp của dân tộc, ý thức trách nhiệm với cộng đồng.</p> <p>PI1.3. Vận dụng được tri thức của khoa học lý luận chính trị vào giải quyết một số vấn đề đặt ra của khoa học chuyên ngành, cuộc sống và thực tiễn đất nước trong kỉ nguyên mới.</p>
	<p>PLO2. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng cơ bản trong phán đoán và tự chủ chuyên môn để nhận diện và thích ứng được với sự phát triển của nghề nghiệp và văn hóa - xã hội.</p>	<p>PI2.1. Vận dụng được tri thức về Tâm lý học giáo dục, Thống kê xã hội học để nhận diện và thích ứng được với sự phát triển của nghề nghiệp và văn hóa - xã hội.</p> <p>PI2.2. Vận dụng được tri thức về Tin học đại cương/Tiếng Việt thực hành/Nghệ thuật đại</p>

Mục tiêu của chương trình (POs)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	Chỉ báo (PIs)
		<p>cương để nhận diện và thích ứng được với sự phát triển của nghề nghiệp và văn hóa - xã hội.</p> <p>PI2.3. Xây dựng và thực hiện kế hoạch bản thân đáp ứng được sự phát triển của nghề nghiệp và văn hóa - xã hội.</p>
<p>PO2. Đào tạo cử nhân ngành Lịch sử có năng lực chuyên môn vững vàng, kỹ năng giải quyết vấn đề liên ngành, khả năng lãnh đạo và làm việc trong môi trường đa văn hóa, đồng thời có ý thức trách nhiệm xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững.</p>	<p>PLO3. Sử dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn để phát hiện và giải quyết các vấn đề của khoa học chuyên ngành.</p>	<p>PI3.1. Trình bày tri thức và phương pháp nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn.</p> <p>PI3.2. Vận dụng kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn vào lĩnh vực khoa học của chuyên ngành.</p>
	<p>PLO4. Tham gia tích cực, có trách nhiệm vào các hoạt động xã hội để lan toả các tri thức về lịch sử, văn hóa nhằm phục vụ cộng đồng, góp phần phát triển văn hóa xã hội của các địa phương.</p>	<p>PI4.1. Tham gia tư vấn cho các hoạt động phổ biến tri thức Lịch sử, bảo tồn và phát triển văn hóa nhằm phục vụ cộng đồng, phát triển văn hóa xã hội của các địa phương.</p> <p>PI4.2. Tham gia tổ chức được các cuộc thi tìm hiểu về lịch sử văn hóa và các hoạt động ngoại khóa về kỹ năng sống hoặc các vấn đề xã hội nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết của học sinh và người dân.</p>
<p>PO3. Đào tạo cử nhân ngành Lịch sử có khả năng nghiên cứu liên ngành, tổ chức nghiên cứu khoa học, truyền đạt kiến thức và phát triển tư duy khoa học, đồng thời duy trì học tập suốt đời và thích ứng với thị trường lao</p>	<p>PLO5. Tổ chức, lãnh đạo để thực hiện hiệu quả công việc nghiên cứu khoa học và tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, tôn trọng sự khác biệt.</p>	<p>PI5.1. Lập kế hoạch và tổ chức được công việc nghiên cứu khoa học.</p> <p>PI5.2. Thể hiện được năng lực lãnh đạo trong nhóm nghiên cứu</p> <p>PI5.3. Xây dựng được môi trường làm việc thân thiện, tôn trọng sự khác biệt</p>

Mục tiêu của chương trình (POs)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	Chỉ báo (PIs)
<p>động trong nước và quốc tế.</p>	<p>PLO6. Làm chủ các kiến thức về khoa học xã hội nhân văn nói chung và Lịch sử nói riêng để phổ biến kiến thức, phát triển tư duy Lịch sử cho những người xung quanh.</p>	<p>PI6.1. Truyền đạt hiệu quả kiến thức về Lịch sử cho các đối tượng khác nhau sao cho phù hợp, hiệu quả.</p> <p>PI6.2. Phát triển được tư duy khoa học về Sử học cho người học</p> <p>PI6.3. Tham gia phổ biến kiến thức về khoa học xã hội nhân văn nói chung và Lịch sử nói riêng để nâng cao nhận thức cộng đồng</p>
	<p>PLO7. Sử dụng các kiến thức về Sử học để phát triển nghề nghiệp, từng bước nâng cao năng lực và nghề nghiệp chuyên môn của bản thân.</p>	<p>PI7.1. Nhận thức được về tầm quan trọng của học tập suốt đời và có được khả năng tự định hướng kế hoạch phát triển nghề nghiệp của bản thân.</p> <p>PI7.2. Tìm kiếm và biết cập nhật kiến thức mới về lĩnh vực Sử học để từng bước nâng cao năng lực của bản thân.</p> <p>PI7.3. Vận dụng được kiến thức ở chương trình đại học vào thực tiễn công việc để phát triển chuyên môn nghề nghiệp.</p>
<p>PO4: Đào tạo cử nhân ngành Lịch sử có khả năng vận dụng các kiến thức tổng hợp của khoa học xã hội nhân văn và tri thức sử học, để phân tích và đánh giá tư liệu hoặc vấn đề cụ thể của lịch sử, đề xuất giải pháp và xây dựng kế hoạch xử lý tư liệu hoặc vấn đề; có</p>	<p>PLO8. Tích lũy được nền tảng tri thức vững chắc, sâu rộng về Lịch sử để vận dụng các tri thức đó nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra cũng như đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn trong công việc.</p>	<p>PI8.1. Tái hiện, xác định được mối liên hệ được sự kiện, hiện tượng lịch sử.</p> <p>PI8.2. Phân tích, đánh giá được bản chất, tác động của các sự kiện, hiện tượng lịch sử.</p> <p>PI8.3. Vận dụng được tri thức lịch sử để giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra cũng như</p>

Mục tiêu của chương trình (POs)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	Chỉ báo (PIs)
<p>khả năng mô phỏng và tư vấn bảo tồn, phát triển các sản phẩm thuộc về lịch sử và văn hoá, đáp ứng mục tiêu xây dựng văn hoá là nguồn lực cho phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước hiện nay.</p>		<p>đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn trong nghiên cứu và các công việc khác có liên quan.</p>
	<p>PLO9. Phát hiện được các vấn đề nghiên cứu về các lĩnh vực của Sử học, thực hiện được nghiên cứu để ứng dụng vào thực tiễn các công việc có liên quan.</p>	<p>PI9.1. Xác định được vấn đề nghiên cứu của khoa học lịch sử và khoa học giáo dục lịch sử</p> <p>PI9.2. Xây dựng được đề cương, kế hoạch, nội dung nghiên cứu và báo cáo được kết quả nghiên cứu ở các dạng thức khác nhau như tiểu luận, báo cáo khoa học hay khóa luận...</p> <p>PI9.3. Vận dụng được các phương pháp chuyên ngành, liên ngành để thực hiện vấn đề nghiên cứu về Lịch sử và ứng dụng được kết quả nghiên cứu đó để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn công việc.</p>
	<p>PLO10. Sử dụng kiến thức chuyên ngành về Lịch sử để nghiên cứu, xây dựng kế hoạch làm việc gắn với chuyên môn được đào tạo nhằm đáp ứng được yêu cầu thực tiễn về công việc.</p>	<p>PI10.1. Phát hiện được vấn đề, hình thành ý tưởng và triển khai nội dung nghiên cứu để lĩnh vực Sử học nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đặt ra.</p> <p>PI10.2. Xây dựng được kế hoạch làm việc gắn với chuyên môn được đào tạo ở các vị trí việc làm cụ thể khác nhau.</p>
	<p>PLO11. Sử dụng các kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành Lịch sử để tư vấn, thuyết minh cho các dự án, việc làm có liên quan.</p>	<p>PI11.1. Xây dựng được nội dung tư vấn, thuyết minh về các chủ đề có liên quan đến lịch sử, văn hóa theo yêu cầu của các bên liên quan.</p>

Mục tiêu của chương trình (POs)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	Chỉ báo (PIs)
		<p>PI11.2. Đề xuất được các biện pháp phù hợp, hiệu quả nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích lịch sử, di sản văn hóa gắn với yêu cầu của thực tiễn.</p>
<p>PO5. Đào tạo cử nhân ngành Lịch sử có khả năng sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành và công nghệ thông tin để hỗ trợ nghiên cứu khoa học, giảng dạy và phát triển nghề nghiệp.</p>	<p>PLO12. Sử dụng được 1 trong 5 ngoại ngữ đạt chuẩn bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam cùng các phần mềm ứng dụng và phương tiện truyền thông để phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy và phát triển nghề nghiệp của bản thân.</p>	<p>PI12.1. Nhận được chứng chỉ của 1 trong 5 ngoại ngữ đạt chuẩn bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (trương đương với chứng chỉ B1 tiếng Anh).</p> <p>PI12.2. Tìm kiếm được các tài liệu tiếng nước ngoài để hỗ trợ và nâng cao hiệu quả trong nghiên cứu lịch sử và công việc khác có liên quan.</p> <p>PI12.3. Sử dụng được các phần mềm thông dụng và biết cách khai thác được các nguồn tư liệu số phục vụ cho hoạt động nghiên cứu lịch sử và công việc khác có liên quan.</p>

III. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc của chương trình đào tạo: Khối lượng kiến thức toàn khóa: 126 tín chỉ (chưa bao gồm kiến thức Giáo dục Quốc phòng - an ninh và Giáo dục thể chất), phân bổ thành 8 học kỳ trong 4 năm.

TT	Nhóm	Tín chỉ	Tỉ lệ
A	Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng		
B	Khối học vấn chung toàn trường	25	27.8%
C	Khối học vấn nhóm ngành	10	
D	Khối học vấn chuyên ngành	66	72.2%
E	Khối học vấn đào tạo năng lực nghề	25	
Tổng số		126	100%

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lí thuyết	Thực hành, thực địa, thảo luận	Số giờ tự học, tự nghiên cứu	
I	Khối học vấn chung				35			
I.1	Khối học vấn chung toàn trường				25			
	Bắt buộc				23			
1	Triết học Mác – Lênin	PHIS 105	1	3	36	9	105	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	POLI 104	1	2	20	10	70	PHIS 105
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI 106	2	2	20	10	70	PHIS 105, POLI 104
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI 204	2	2	20	10	70	PHIS 105, POLI 104, POLI 106
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI 202	2	2	20	10	70	PHIS 105, POLI 104, POLI 106
6	Tiếng Anh 1-A1 A2	ENGL 103/104	1	3	30	15	105	
7	Tiếng Anh 2-A2 B1	ENGL 105/106	2	3	28	17	105	
8	Tiếng Trung 1	CHIN 105	1	3	30	15	105	
9	Tiếng Pháp 1	FREN 104	1	3	30	15	105	
10	Tiếng Nga 1	RUSS 105	1	3	30	15	105	
11	Tiếng Trung 2	CHIN 106	2	3	30	15	105	
12	Tiếng Pháp 2	FREN 106	2	3	30	15	105	
13	Tiếng Nga 2	RUSS 106	2	3	30	15	105	
14	Tâm lí học giáo dục	PSYC 101	1	4	45	15	140	

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lí thuyết	Thực hành, thực địa, thảo luận	Số giờ tự học, tự nghiên cứu	
15	Thống kê xã hội học	MATH 137	1	2	20	10	70	
	Tự chọn			2/6				
16	Tin học đại cương *	COMP 103	1	2	9.5	19.5	71	
17	Tiếng Việt thực hành *	COM M 106	1	2	10	20	70	
18	Nghệ thuật đại cương	COM M 107	1	2	15	15	70	
	Giáo dục thể chất							
19	Giáo dục thể chất 1	PHYE 150	1	1	2	26	22	
20	Giáo dục thể chất 2	PHYE 151	2	1	2	26	22	
21	Giáo dục thể chất 3	PHYE 250	3	1	2	26	22	
22	Giáo dục thể chất 4	PHYE 251	4	1	2	26	22	
23	Giáo dục quốc phòng (HP1: Đường lối QP và An ninh của ĐCSVN)	DEFE 105		3	42	3	105	
24	Giáo dục quốc phòng (HP2: Công tác quốc phòng và an ninh)	DEFE 106		2	25	5	70	
25	Giáo dục quốc phòng (HP3: Quân sự chung)	DEFE 205		2	25	5	70	
26	Giáo dục quốc phòng (HP4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	DEFE 206		4	30	15	155	
I.2.	Khối học văn chung của nhóm ngành			10				
	Nhóm ngành Khoa học Xã hội							
27	Cơ sở văn hóa Việt Nam	COM M 105	1	2	18	12	70	

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lí thuyết	Thực hành, thực địa, thảo luận	Số giờ tự học, tự nghiên cứu	
28	Nhập môn Khoa học Xã hội và Nhân văn	COM M 103	1	2	20	10	70	
29	Nhân học đại cương	COM M 108	2	2	22	8	70	
30	Xã hội học đại cương	COM M 109	2	2	22	8	70	
31	Lịch sử văn minh thế giới	COM M 110	1	2	22	8	70	
II	Khối học văn đào tạo năng lực nghề			25				
	<i>Nghiệp vụ chuyên ngành</i>			18				
	<i>Bắt buộc</i>			12				
32	Nhập môn sử học	HIST 7201	2	3	42	6	102	
33	Phương pháp luận sử học	HIST 7202	5	3	42	6	102	
34	Các phương pháp nghiên cứu lịch sử	HIST 7203	5	3	42	6	102	
35	Lịch sử Sử học	HIST 7204	5	3	42	6	102	
	<i>Tự chọn</i>			6/12				
36	Nghiên cứu và trình bày Lịch sử trong thời đại số	HIST 7205	4	3	42	6	102	
37	Địa phương chí	HIST 7206	4	3	42	6	102	
38	Di sản văn hóa và bảo tồn di sản văn hóa	HIST 7207	4	3	42	6	102	
39	Sử học với công nghiệp văn hóa	HIST 7208	4	3	42	6	102	
	<i>Thực hành nghề</i>			07				
40	Thực tập chuyên ngành 1	HIST 7209	8	3	42	6	102	
41	Thực tập chuyên ngành 2	HIST 7210	8	4	56	8	136	

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lí thuyết	Thực hành, thực địa, thảo luận	Số giờ tự học, tự nghiên cứu	
III	Khối học vấn chuyên ngành			66				
	Lí luận, thực tế			8				
42	Khảo cổ học đại cương	HIST 303	2	2	28	4	68	
43	Địa chính trị	HIST 7211	3	2	42	6	102	
44	Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương	HIST 305	3	3	42	6	102	
45	Thực tế chuyên môn	HIST 616	6	1	5	20	25	
	Thông sử thế giới			14				
46	Lịch sử thế giới cổ đại	HIST 302	2	3	42	6	102	
47	Lịch sử thế giới trung đại	HIST 400	3	3	42	6	102	
48	Lịch sử thế giới cận đại	HIST 500	4	4	56	8	136	
49	Lịch sử thế giới hiện đại	HIST 601	5	4	56	8	136	
	Thông sử khu vực			4				
50	Lịch sử và văn hóa Đông Nam Á	HIST 403	4	4	56	8	136	
	Thông sử Việt Nam			12				
51	Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỉ XV	HIST 321	2	3	42	6	102	
52	Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến năm 1858	HIST 421	3	3	42	6	102	
53	Lịch sử Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945	HIST 401	4	3	42	6	102	
54	Lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đến nay	HIST 501	5	3	42	6	102	

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lí thuyết	Thực hành, thực địa, thảo luận	Số giờ tự học, tự nghiên cứu	
	Học phần định hướng chuyên ngành LSVN			28				
	Bắt buộc			22				
55	Làng xã và đô thị Việt Nam trong lịch sử	HIST 609	6	3	42	6	102	
56	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	HIST 606	6	3	42	6	102	
57	Chiến tranh bảo vệ tổ quốc và giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam	HIST 711	7	4	56	8	136	
58	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	HIST 709	7	3	42	6	102	
59	Cải cách và đổi mới trong lịch sử Việt Nam	HIST 7212	7	3	42	6	102	
60	Khai hoang và xác lập chủ quyền trong lịch sử Việt Nam	HIST 7213	7	3	42	6	102	
61	Biến đổi cơ cấu kinh tế, xã hội Việt Nam từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XXI	HIST 712	7	3	42	6	102	
	Tự chọn (Chọn 02/04 môn)			6				
62	Lịch sử văn minh Việt Nam	HIST 607	6	3	42	6	102	
63	Lịch sử giáo dục Việt Nam	HIST 7214	6	3	42	6	102	
64	Một số vấn đề lịch sử biển đảo Việt Nam	HIST 7215	6	3	42	6	102	
65	Miền Nam Việt Nam 1954-1975	HIST 612	6	3	42	6	102	
	Học phần định hướng chuyên			28				
	TC			TC				

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kì	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần/ số tín chỉ tiên quyết
					Lí thuyết	Thực hành, thực địa, thảo luận	Số giờ tự học, tự nghiên cứu	
	ngành Lịch sử Thế giới							
	Bắt buộc							
66	Giao lưu văn hóa Đông – Tây trong lịch sử thế giới cổ – trung đại	HIST 701	6	3	42	6	102	
67	Trật tự thế giới: Lịch sử và vấn đề	HIST 7216	6	3	42	6	102	
68	Quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản	HIST 706	7	3	42	6	102	
69	Phong trào giải phóng dân tộc trong thế kỉ XX	HIST 708	7	4	56	8	136	
70	Chủ nghĩa xã hội – Lí luận và thực tiễn	HIST 707	7	3	42	6	102	
71	Hoa Kỳ và Trung Quốc (thế kỉ XX – đầu thế kỉ XXI)	HIST 7216	7	3	42	6	102	
72	Lịch sử toàn cầu hóa	HIST 7218	7	3	42	6	102	
	Tự chọn (Chọn 02/04 môn)							
73	Lịch sử các tôn giáo lớn trên thế giới	HIST 7219	6	3	42	6	102	
74	Văn hóa Trung Quốc và Ấn Độ thời cổ – trung đại	HIST 615	6	3	42	6	102	
75	Cải cách, đổi mới ở châu Á thời cận – hiện đại	HIST 703	6	3	42	6	102	
76	Lịch sử các cuộc cách mạng công nghiệp	HIST 705	6	3	42	6	102	
77	Khóa luận (Trương đương 2 chuyên đề tự chọn)	HIST 800	8	6	90	0	210	

Mã học phần	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
COMM 105	Cơ sở văn hóa Việt Nam	I		M									
COMM 110	Lịch sử văn minh thế giới	I		M									
HIST 7200	Nhập môn sử học						M	R	M				
HIST 7201	Phương pháp luận sử học						M	R	M				
HIST 7202	Các phương pháp nghiên cứu lịch sử							I	M	R			
HIST 7203	Lịch sử Sử học						R	I	M				
HIST 7204	Nghiên cứu và trình bày Lịch sử trong thời đại số							I	M	R			
HIST 7205	Địa phương chí						M	I	R				
HIST 7206	Di sản văn hóa và bảo tồn di sản văn hóa						M	I	R				
HIST 7207	Sử học với công nghiệp văn hóa						M	I	R				
HIST 7208	Thực tập chuyên ngành 1							M			M	R	
HIST 7209	Thực tập chuyên ngành 2							M			M	R	
HIST 303	Khảo cổ học đại cương						R	I	M				
HIST 7210	Địa chính trị						R	I	M				

Mã học phần	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
HIST 305	Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương						R	I	M				
HIST 616	Thực tế chuyên môn							M			M	R	
HIST 302	Lịch sử thế giới cổ đại						M	R	M				
HIST 400	Lịch sử thế giới trung đại						M	R	M				
HIST 500	Lịch sử thế giới cận đại						M	R	M				
HIST 601	Lịch sử thế giới hiện đại						M	R	M				
HIST 403	Lịch sử và văn hóa Đông Nam Á						M	R	M				
HIST 321	Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỉ XV						M	R	M				
HIST 421	Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến năm 1858						M	R	M				
HIST 401	Lịch sử Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945						M	R	M				
HIST 501	Lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đến nay						M	R	M				

Mã học phần	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
HIST 609	Làng xã và đô thị Việt Nam trong lịch sử						M	R	M				
HIST 606	Lịch sử ngoại giao Việt Nam						M	R	M				
HIST 711	Chiến tranh bảo vệ tổ quốc và giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam						M	R	M				
HIST 709	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam						M	R	M				
HIST7211	Cải cách và đổi mới trong lịch sử Việt Nam						M	R	M				
HIST7212	Khai hoang và xác lập chủ quyền trong lịch sử Việt Nam						M	R	M				
HIST 712	Biến đổi cơ cấu kinh tế, xã hội Việt Nam từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XXI						M	R	M				
HIST 607	Lịch sử văn minh Việt Nam						M	R	M				
HIST7213	Lịch sử giáo dục Việt Nam						M	R	M				

Mã học phần	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
HIST7214	Một số vấn đề lịch sử biển đảo Việt Nam						M	R	M				
HIST612	Miền Nam Việt Nam 1954-1975						M	R	M				
HIST 701	Giao lưu văn hóa Đông – Tây trong lịch sử thế giới cổ – trung đại						M	R	M				
HIST7215	Trật tự thế giới: Lịch sử và vấn đề						M	R	M				
HIST 706	Quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản						M	R	M				
HIST 708	Phong trào giải phóng dân tộc trong thế kỉ XX						M	R	M				
HIST 707	Chủ nghĩa xã hội – Lí luận và thực tiễn						M	R	M				
HIST7216	Hoa Kỳ và Trung Quốc (thế kỉ XX – đầu thế kỉ XXI)						M	R	M				
HIST7217	Lịch sử toàn cầu hóa						M	R	M				

Mã học phần	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
HIST7218	Lịch sử các tôn giáo lớn trên thế giới						M	R	M				
HIST 615	Văn hóa Trung Quốc và Ấn Độ thời cổ – trung đại						M	R	M				
HIST 703	Cải cách, đổi mới ở châu Á thời cận – hiện đại						M	R	M				
HIST 705	Lịch sử các cuộc cách mạng công nghiệp						M	R	M				
HIST 800	Khóa luận (Tương đương 2 chuyên đề tự chọn)								M	M	R		

Mức độ đóng góp của các học phần đối với việc đạt được PLO/PI (các mức I, R, M)

I (Introduced): Học phần có sự hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức giới thiệu/bắt đầu.

R (Reinforced): Học phần có sự hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức nâng cao hơn mức giới thiệu/bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...

M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO. Nếu người học hoàn thành tốt học phần này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (còn gọi là chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI của PLO hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo toàn bộ PLO đó.